

Số: 27/BC-TTS

Gia Lai, ngày 07 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO
Công tác phòng, chống tham nhũng 9 tháng đầu năm 2021

Thực hiện Thông tư số 02/2021/TT-TTCT ngày 22/3/2021 của Thanh tra Chính phủ Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; Công văn số 361/TTr-VP ngày 06/9/2021 của Thanh tra tỉnh V/v đề nghị báo cáo tình hình công tác 9 tháng đầu năm 2021. Thanh tra Sở Công Thương báo cáo kết quả công tác phòng, chống tham nhũng 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN)

a. Sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác PCTN

Công tác quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN luôn được Đảng ủy, Lãnh đạo Sở Công Thương quan tâm, coi trọng, chỉ đạo thực hiện tốt; công tác này được thực hiện thường xuyên; Giám đốc Sở trực tiếp phụ trách công tác PCTN, giao Thanh tra Sở là cơ quan trực tiếp theo dõi và tham mưu giúp Giám đốc Sở thực hiện công tác PCTN.

Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của cấp trên, Sở đã ban hành Kế hoạch số 03/KH-SCT ngày 26/01/2021 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021 nhằm triển khai thực hiện trong cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan.

b. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về PCTN

Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc lĩnh vực quản lý của Sở các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác PCTN, Luật PCTN năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện công tác PCTN, lãng phí.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, tác phong làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc lĩnh vực quản lý của Sở trong phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng kịp thời.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

Thực hiện tốt các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan theo Luật PCTN năm 2018 và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động; niêm yết công khai quy trình quản lý và hoạt động của cơ quan để các tổ chức, cá nhân biết thực hiện và giám sát.

Thường xuyên tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan và việc thực hiện các nội dung phải công khai trong nội bộ cơ quan.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Ngày 20/01/2020, Sở Công Thương ban hành Quyết định số 10/QĐ-SCT V/v ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công của Sở Công Thương tỉnh Gia Lai. Sau khi ban hành Sở đã thực hiện nghiêm Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan; Quy chế dân chủ cơ sở, các Quy chế đều được công khai trong cơ quan để cán bộ, công chức, viên chức biết theo dõi, giám sát, thực hiện.

Thường xuyên tự kiểm tra nội bộ về việc thực hiện chế độ, tiêu chuẩn, định mức tại cơ quan. Thực hiện nghiêm túc chế độ mua sắm tài sản công và tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, chi phí tiếp khách...

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/2/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương. Sở Công Thương ban hành và niêm yết công khai Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức tại trụ sở làm việc của cơ quan, trên cơ sở đó triển khai và giám sát thực hiện một cách có hiệu quả.

Thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc, mối quan hệ công tác, sự phối hợp hoạt động đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong nội bộ và với cơ quan liên quan, quan hệ giữa cán bộ, công chức với cơ quan, doanh nghiệp và người dân, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm quy định về tặng quà và nhận quà tặng theo Điều 22 Luật PCTN năm 2018 và Mục 2 Chương IV Nghị định số 59/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức quán triệt và triển khai kịp thời khi các văn bản pháp luật mới về quy định cụ thể danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác được cơ quan có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính về giải quyết công việc “một cửa” của cơ quan để góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của ngành.

Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính nhằm loại bỏ những thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian giải quyết, tránh tình trạng cán bộ, công chức, viên chức gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân và tổ chức trong giải quyết hồ sơ, công việc.

Đăng tải, thông báo công khai kịp thời các thủ tục hành chính đang áp dụng trong cơ quan và các văn bản chỉ đạo, điều hành trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

Thực hiện vận hành tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại cơ quan, đơn vị.

Tăng cường ứng dụng các phần mềm dùng chung cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động của trang thông tin điện tử.

Tiếp tục thực hiện nghiêm việc thanh toán qua tài khoản đối với các khoản chi ngân sách; nhất là chi lương, thưởng, chi khác có tính chất thường xuyên.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

Quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan các quy định mới của Luật PCTN năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 01/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh Gia Lai. Sở Công Thương đã ban hành Kế hoạch số 14/KH-SCT ngày 11/3/2021 triển khai thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra.

Kết quả: Số đơn vị phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu: 2 đơn vị, tỉ lệ đạt 100%; Số người đã kê khai tài sản, thu nhập/số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu 41/42, tỉ lệ đạt 97,6%. Tất cả số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu đều được công khai bằng hình thức niêm yết.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua các hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra và tự kiểm tra nội bộ; thông qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; qua công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng: Không phát hiện trường hợp nào vi phạm phải xử lý.

4. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng

Ban thanh tra nhân dân, các tổ chức đoàn thể thường xuyên giám sát việc chấp hành Nội quy, Quy chế của cơ quan, việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng của Sở, việc sử dụng kinh phí do ngân sách cấp cho cơ quan, ngăn ngừa các biểu hiện tiêu cực.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHƯNG

Việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng của Sở luôn được triển khai kịp thời và sâu sát nên không xảy ra hành vi tham nhũng tại cơ quan, đơn vị.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG

Công tác PCTN luôn được Đảng ủy, Lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt. Các Phòng, Ban, Đơn vị trực thuộc Sở có sự phối hợp tốt nên việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng được tổ chức triển khai nghiêm túc.

Đã thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng như: Công tác cải cách hành chính; thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ và kinh phí quản lý hành chính; thực hiện công khai minh bạch trong quản lý tài sản công và quản lý hành chính.

Nhìn chung công tác PCTN đã được triển khai nghiêm túc, chặt chẽ, cụ thể nên việc thực hiện đạt hiệu quả. Trong 9 tháng đầu năm 2021 không có trường hợp nào vi phạm pháp luật về PCTN, đồng thời cũng không có đơn thư tố cáo nào liên quan đến

công tác PCTN. Từ công tác lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát nên đã chuyển biến tích cực trong công tác PCTN.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tham nhũng gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; kịp thời ban hành các văn bản nhằm thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng theo sự chỉ đạo của cấp trên và phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan.

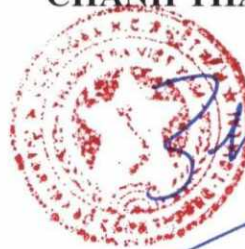
- củng cố và tăng cường vai trò, trách nhiệm của Ban thanh tra nhân dân, các tổ chức đoàn thể trong việc giám sát, kiểm tra việc chấp hành quy chế của cơ quan, việc sử dụng kinh phí do ngân sách cấp cho cơ quan, ngăn ngừa các biểu hiện tiêu cực.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp về phòng ngừa tham nhũng như: Công tác cải cách hành chính; quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức; công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan; Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo gắn với công tác phòng, chống tham nhũng. /.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, TTS.

CHÁNH THANH TRA



Rcom Jen



Biểu số: 01/PCTN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến thời điểm báo cáo***(Kèm theo Báo cáo số: 12.../BC-TTS ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Thanh tra Sở Công Thương)*

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	02
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	Không
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	Không
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	08
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	320
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	Không
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động		Không
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	Không
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	Không
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	Không
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	Không
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	Không
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	Không
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	Không
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	Không
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	Không
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	Không
17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	Không
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có	CQ, TC, ĐV	Không

	chức vụ, quyền hạn		
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	Không
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	Không
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	Không
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	Không
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn		
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	Không
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	127
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	42
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	Không
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	Không
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	Không
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	Không
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	Không
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	41
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	Không
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	Không
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	Không
35.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	Không
35.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	Không
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	Không
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	Không
	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị		

38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	Không
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	Không
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	Không
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	Không
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	Không
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	vụ	Không
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	Không
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	người	Không
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	Không
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	Không
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	Không
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	Không
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	Không
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	Không
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	Không
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	Không
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	Không
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	Không
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	Không
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	Không
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		Không
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	Không
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	Không
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		

58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	Không
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	Không
	Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	Không
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	Không
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	Không
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	Không
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG		
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	Không
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	Không
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	Không
66.1	- Khiển trách	Người	Không
66.2	- Cảnh cáo	Người	Không
66.3	- Cách chức	Người	Không
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	Không
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	Không
68.1	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	Không
68.2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	Không
68.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	Không
68.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	Không
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	Không
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	Không
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	Không
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	Không

	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	Không
74	Đất đai	m ²	Không
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	Không
75.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	Không
75.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	Không
76	Đất đai	m ²	Không
76.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	Không
76.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	Không
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		Không
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	Không
78	Đất đai	m ²	Không
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

Ghi chú:

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa đổi nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu
- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.
- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn
- (1) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo